

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 – THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2026/HS-ST
Ngày 25 - 8 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thu Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Đức Hồng và ông Lý Văn Chính

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Xuân - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Thái Nguyên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đức Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 60/2026/TLST-HS ngày 14 tháng 7 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2026/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 8 năm 2026 đối với bị cáo:

NGUYỄN ĐỨC H; tên gọi khác: Không có; sinh ngày 05 tháng 5 năm 1975 tại Thái Nguyên; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện nay: **Tổ E** (Trước là **tổ D**), **phường Đ**, **tỉnh Thái Nguyên**; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: **Nguyễn Đức H1** (Đã chết) và bà **Nguyễn Thị L** (tên gọi khác: **Nguyễn Thị H2**); **V**, con: Không; Tiền án: Không;

Tiền sự: 01 – Tại Quyết định số 01/2023/QĐ-TA ngày 21/11/2023, bị Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn (cũ) (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 6 – Thái Nguyên) áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 24 (Hai mươi tư) tháng. Chấp hành xong ngày 15/10/2025. Đến thời điểm thực hiện hành vi phạm tội lần này, chưa hết thời hạn được coi là chưa bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

Nhân thân:

- Tại Bản án số 21/HSST ngày 30/8/1996, Tòa án nhân dân thị xã Bắc Kạn, tỉnh Bắc Thái xử phạt bị cáo **Nguyễn Đức H** 18 tháng tù về tội Cướp tài sản của công dân và 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản của công dân, tổng hợp hình phạt chung là 30 tháng tù. Chấp hành hình phạt tù xong vào ngày 20/10/1998.

- Tại Bản án số 62/2008/HSST ngày 19/11/2008 của Tòa án nhân dân thị xã Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn xử phạt bị cáo **Nguyễn Đức H** 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 20/8/2009 được miễn chấp hành hình phạt tù còn lại.

Cả hai lần bị kết án nêu trên đến thời điểm thực hiện hành vi phạm tội lần này đều đã được xóa án tích.

- Tại Quyết định số 369/QĐ-UB ngày 17/4/2000 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục đối với **Nguyễn Đức H** với thời hạn 24 tháng. Chấp hành xong vào tháng 3/2002.

- Tại Quyết định số 890/QĐ-UBND ngày 11/6/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh B quyết định đưa vào cơ sở giáo dục đối với **Nguyễn Đức H** với thời hạn 24 tháng. Đến tháng 3/2014 chấp hành xong.

- Tại Quyết định số 47/2019/QĐ-TA ngày 25/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn, áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc đối với **Nguyễn Đức H** với thời hạn 24 tháng. Chấp hành xong vào tháng 6/2021.

- Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 11/QĐ-XPVPHC ngày 11/3/2019 của Công an phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn, xử phạt **Nguyễn Đức H** về hành vi ném gạch, đá vào nhà người khác, hình thức xử phạt: Phạt tiền 750.000 đ.

- Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 19/QĐ-XPVPHC ngày 29/4/2019 của Công an phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn, xử phạt **Nguyễn Đức H** về hành vi Trộm cắp tài sản, hình thức xử phạt: Phạt tiền 1.500.000 đ.

- Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 149/QĐ-XPVPHC ngày 23/11/2022 của Công an thành phố B, tỉnh Bắc Kạn, xử phạt **Nguyễn Đức H** về hành vi Đổ, ném chất thải, chất bẩn vào nhà ở, nơi ở của người khác, hình thức xử phạt: Phạt tiền 4.000.000 đ; về hành vi hủy hoại tài sản của người khác, hình thức xử phạt: Phạt tiền 4.000.000 đ. Tổng mức tiền phạt hai hành vi là 8.000.000 đ.

Đến thời điểm thực hiện hành vi phạm tội lần này, tất cả những lần vi phạm nêu trên đều đã được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính.

Bị cáo tại ngoại. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 10 giờ 00 phút ngày 24/02/2026 Công an phường Đ, tỉnh Thái Nguyên phối hợp với Trạm Y tế phường Đ tiến hành xét nghiệm chất ma túy đối với **Nguyễn Đức H** là đối tượng quản lý sau cai nghiện ma túy. Kết quả xét nghiệm:

Nguyễn Đức H dương tính với chất ma túy thuộc nhóm MOR. Sau khi xét nghiệm tiến hành niêm phong que test nhanh ma túy vào trong phong bì ký hiệu T1. Tiến hành thu mẫu nước tiểu của **Nguyễn Đức H** niêm phong vào chai nhựa trong suốt, được đậy nắp kín có ký hiệu T2 gửi giám định.

Tiến hành xem xét dấu vết trên thân thể **Nguyễn Đức H** phát hiện 01 vết thâm tím kích thước 02cm x 0,5cm ở mặt ngoài cánh tay phải, là vết mà **Nguyễn Đức H** sử dụng trái phép chất ma túy bằng hình thức tiêm trích vào tĩnh mạch trong cơ thể ngày 23/02/2026.

Tại Kết luận giám định số 459/KL-KTHS ngày 02/3/2026 của **Phòng K Công an tỉnh T** kết luận: Tìm thấy các sản phẩm chuyển hóa của **H4** trong mẫu nước tiểu ký hiệu T2 gửi giám định.

Tại Cơ quan điều tra, **Nguyễn Đức H** khai nhận: Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 23/02/2026 **H** đi bộ từ nhà đến khu vực đầu **cầu H** thuộc tổ **A**, phường **Đ**, tỉnh **Thái Nguyên** nhờ 01 người đàn ông (không biết tên, tuổi, địa chỉ) mua hộ 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) ma túy loại **H3**, người đàn ông cầm tiền và đi khoảng 30 phút sau thì quay lại đưa cho **H** 01 xi lanh bên trong có chứa ma túy Heroine đã pha sẵn, sau khi nhận xi lanh có ma túy **H** đi đến khu vực bờ **đê S** thuộc tổ **A**, phường **Đ**, tỉnh **Thái Nguyên** sử dụng bằng hình thức dùng xi lanh tiêm trực tiếp vào tĩnh mạch. Ngày 24/02/2026 **Công an phường Đ** tiến hành xét nghiệm ma túy đối với **H**, kết quả **H** dương tính với chất ma túy nhóm MOR.

Tại Quyết định số 01/2023/QĐ-TA ngày 21/11/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn (cũ) Áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với **Nguyễn Đức H**, thời hạn chấp hành tại cơ sở cai nghiện bắt buộc là 24 tháng, ngày 15/10/2025 chấp hành xong.

Tại Quyết định số 1164/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của **UBND phường Đ** Quyết định quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú đối với **Nguyễn Đức H** 02 năm, kể từ ngày 15/12/2025 đến 15/12/2027.

Về vật chứng thu giữ: 01 phong bì ký hiệu T1 (Bên trong có 01 que test nhanh ma túy đối với **Nguyễn Đức H**), hiện đang tạm giữ và bảo quản theo quy định.

Tại Cáo trạng số 29/CT-VKSKV6 ngày 10 tháng 7 năm 2026 của Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Thái Nguyên truy tố **Nguyễn Đức H** về tội “Sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 1 Điều 256a của Bộ luật Hình sự.

** Tại phiên tòa:*

- Bị cáo thành khẩn khai nhận và thể hiện thái độ ăn năn hối cải về hành vi vi phạm của mình,

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Thái Nguyên giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo **Nguyễn Đức H** và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Đức H** phạm tội "Sử dụng trái phép chất ma túy".

+ Về hình phạt: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 256a; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Đức H** từ 24 đến 30 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

+ Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 que test nhanh ma túy đối với **Nguyễn Đức H** (Được niêm phong trong phong bì ký hiệu T1)

+ Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- Bị cáo nhất trí với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Thái Nguyên, không tranh luận. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Đề nghị hợp pháp; Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử không có khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên.

[2] Về tội danh:

Tại phiên tòa, Bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, lời khai của Bị cáo tại phiên tòa phù hợp với những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, từ đó có đủ cơ sở xác định:

Khoảng trưa ngày 23/02/2026 tại khu vực bờ đê Sông Cầu thuộc **A, phường Đ, tỉnh Thái Nguyên**, **Nguyễn Đức H** đã có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy loại Heroin khi đang trong thời hạn quản lý sau cai nghiện ma túy theo quy định của Luật Phòng, chống ma túy.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật Hình sự, xâm phạm đến chế độ quản lý độc quyền của Nhà nước về các chất ma túy. Bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp.

Như vậy, hành vi của **Nguyễn Đức H** đã đủ yếu tố cấu thành tội “Sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 256a của Bộ luật Hình sự.

Điều luật có nội dung:

Điều 256a. Tội sử dụng trái phép chất ma túy

1. Người nào sử dụng trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 03 năm:

a)...

b). *Đang trong thời hạn quản lý sau cai nghiện ma túy theo quy định của ”*

[3] Về tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội:

Tội phạm bị cáo thực hiện là tội phạm ít nghiêm trọng, có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội không lớn, tuy nhiên đây là nguyên nhân làm phát sinh và gia tăng nhiều loại tội phạm, ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự và an toàn xã hội tại địa phương.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo có nhân thân xấu, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Lần phạm tội này thuộc trường hợp phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Ngoài ra, bị cáo có mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị H2 được tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng Ba. Do đó bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt:

Trên cơ sở quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự: Xét thấy cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời hạn tương xứng, phù hợp với thực tiễn xét xử tại địa phương để đảm bảo tính răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

[6] Về vật chứng:

Đối với 01 que test nhanh ma túy đối với Nguyễn Đức H (được niêm phong trong phong bì ký hiệu T1): Không có giá trị, giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Về vấn đề khác:

- Đối với 01 người đàn ông (Không rõ tên, tuổi, địa chỉ) đã mua hộ ma túy cho bị cáo vào ngày 23/02/2026, quá trình điều tra không xác định được đối tượng, không có cơ sở để xử lý, xét thấy là phù hợp.

- Cần áp dụng Lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú và Quyết định tạm hoãn xuất cảnh đối với bị cáo với thời hạn 45 (Bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

[9] Về quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân:

Xét thấy quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Thái Nguyên về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, do đó được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Đức H** phạm tội "*Sử dụng trái phép chất ma túy*".

2. Về hình phạt: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 256a; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Đức H** 24 (Hai mươi tư) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

3. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy đối với: 01 que test nhanh ma túy đối với **Nguyễn Đức H** (Được niêm phong trong phong bì ký hiệu T1) **hiện đang được bảo quản tại Kho vật chứng và tài liệu, đồ vật số 02, Công an tỉnh T.**

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 6 và Điều 7 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

5. Về vấn đề khác:

Ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú và quyết định tạm hoãn xuất cảnh đối với bị cáo **Nguyễn Đức H** với thời hạn 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày

kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên;
- Viện Kiểm sát nhân dân KV 6;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Thái Nguyên;
- Phòng Thi hành án dân sự KV 6;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên;
- Bị cáo;
- Lưu: VT, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lường Thị Thu Hòa

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Đức Hồng

Lý Văn Chính

Lường Thị Thu Hòa

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hứa Đình Hiền

Phan Thị Huyền

Lường Thị Thu Hòa

